TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2023
V/v: Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Xuyến
2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Duy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Mộng Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 153/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40B/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hằng L, sinh năm 1996.
Địa chỉ: Số Lê Văn Sỹ, Phường M, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: Lê Văn Sỹ, Phường M, Quận K, Thành phố Bình Trị Đông, phường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minhnh.
(vắng mặt - có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trương Hoàng C, sinh năm 1996.
Địa chỉ: Số Lê Văn Sỹ, Phường M, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.
(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn ngày 05 tháng 4 năm 2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Bà Trần Thị Hằng L trình bày:

Bà Trần Thị Hằng L và ông Trương Hoàng C tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 2008. Có Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 40, do Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 6 năm 2008 theo Trích lục kết hôn số 104/TLKH-BS ngày 11 tháng 5 năm 2022.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông C sử dụng chất gây nguyện, không đi làm kiếm tiền lo cho gia đình, dẫn tới vợ chồng thường xuyên tranh cãi căng thẳng, nhiều lần ông C đã đánh bà bầm tím người. Bà đã dùng nhiều biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng và khuyên bảo ông C thay đổi cách sống nhưng không có kết quả. Cuối năm 2018, mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn nên bà L và con trai Trương Hoàng Phúc K đã dọn về nhà mẹ đẻ của bà ở địa chỉ số Lê Văn Sỹ, Phường M, Quận K, Thành phố Bình Trị Đông, phường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minhnh sống. Từ khi bà và con về Bình Tân sinh sống, ông C không hỏi han, quan tâm và không có thái độ tích cực để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không chu cấp tiền cho con bà nuôi con. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Bà Trần Thị Hằng L yêu cầu được ly hôn với ông Trương Hoàng C.

Về con chung: Bà và ông C có 01 người con chung là Trương Hoàng Phúc K sinh ngày 01 tháng 02 năm 2009.

Bà Trần Thị Hằng L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung là Trương Hoàng Phúc K, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2009 và không yêu cầu ông Trương Hoàng C cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trương Hoàng C về yêu cầu chia tài sản chung:

Bà L không đồng ý đối với yêu cầu phản tố của ông Trương Hoàng C. Vì hiện tại, bà chỉ có một tài sản duy nhất là 01 chiếc xe mô tô loại SH150i hiệu Honda, số máy KF26E0039499, số khung RLHKF2511GY039423, biển số 59F1-02615, bà mua vào năm 2018 bằng hình thức trả góp bằng tiền bà tự kiếm ra, ông C không có đóng góp tiền mua xe với bà. Bà cũng xác định chiếc xe có trị giá 80.000.000 đồng. Bà không đồng ý chia tài sản này vì đây là phương tiện duy nhất để đi làm, kiếm tiền chữa bệnh và nuôi con ăn học. Ngoài chiếc xe, bà và ông Trương Hoàng C không có tài sản chung nào khác.

Trong trường hợp ông Trương Hoàng C vẫn yêu cầu chia tài sản chung và Tòa án chia tài sản chung của bà và ông C thì bà đồng ý giao toàn bộ này cho ông Trương Hoàng C.

Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 10/5/2023 và các lời khai tại Tòa án, bị đơn ông Trương Hoàng C trình bày:

Về việc kết hôn và con chung ông Trương Hoàng C có lời khai thống nhất với Bà Trần Thị Hằng L.

Về mâu thuẫn vợ chồng, ông C xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về nhiều mặt nên vợ chồng thường xuyên cãi vã căng thẳng. Đến tháng 11 năm 2021 thì bà L bỏ về nhà mẹ đẻ của bà L ở địa chỉ số 116/34 Bình Trị Đông, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân sống, còn ông C thì về nhà mẹ đẻ của ông C ở địa chỉ 413/58 Lê Văn Sỹ, Phường 12, Quận 3. Ông C và bà L đã không còn chung sống và ly thân được hai năm. Ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nhưng ông đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà L.

Về con chung: Ông và Bà Trần Thị Hằng L có 01 người con chung là Trương Hoàng Phúc K, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2009.

Tôi đồng ý giao cho Bà Trần Thị Hằng L trực tiếp nuôi dưỡng người con chung là Trương Hoàng Phúc K, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2009, việc cấp dưỡng cho con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông C yêu cầu phản tố về chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân gồm:

- Sổ tiết kiệm trị giá 200.000.000 (hai trăm triệu) mang tên Bà Trần Thị Hằng L gửi tại Ngân hàng Sacombank Phương Nam (Chi nhánh Bắc Hải Tân Bình)

- 01 xe mô tô hiệu Honda SH150i; biển số 59F1-02615, mang tên Bà Trần Thị Hằng L có trị giá 80.000.000 đồng.

- Số tiền mặt 250.000.000đồng hiện Bà Trần Thị Hằng L đang cất giữ.

Tổng tài sản chung có giá trị là 500.000.000 đồng. Ông C yêu cầu Tòa án phân chia số tài sản nêu trên và ông C yêu cầu được nhận số tiền là 120.000.000 đồng trong khối tài sản chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn Bà Trần Thị Hằng L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Trương Hoàng C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông C không còn tình cảm với bà L, nhưng ông chỉ đồng ý ly hôn khi bà L chia tài sản chung.

Về con chung: Ông C đồng ý giao con chung tên là Trương Hoàng Phúc K, sinh ngày 01 tháng 02 cho Bà Trần Thị Hằng L trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Ông C giữ nguyên yêu cầu phản tố yêu cầu được 120.000.000 đồng trong khối tài sản chung và không đồng ý nhận chiếc xe mô tô loại SH150i hiệu Honda, số máy KF26E0039499, số khung RLHKF2511GY039423, biển số 59F1-02615.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đề nghị Toà án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn Bà Trần Thị Hằng L.

Về quan hệ hôn nhân: Cho Bà Trần Thị Hằng L được ly hôn với ông Trương Hoàng C.

Về nuôi con chung: Giao Bà Trần Thị Hằng L trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên là Trương Hoàng Phúc K, sinh ngày 01 tháng 02. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Trương Hoàng C về chia tài sản chung: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Bà Trần Thị Hằng L giao cho ông Trương Hoàng C toàn bộ chiếc xe mô tô loại SH150i hiệu Honda, số máy KF26E0039499, số khung RLHKF2511GY039423, biển số 59F1-02615 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 058039 do Công an Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 10/4/2023.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Trương Hoàng C về việc phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là:

- Sổ tiết kiệm trị giá 200.000.000 (hai trăm triệu) mang tên Bà Trần Thị Hằng L gửi tại Ngân hàng Sacombank Phương Nam (Chi nhánh Bắc Hải Tân Bình)

- Số tiền mặt 250.000.000 đồng hiện Bà Trần Thị Hằng L đang cất giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Bà Trần Thị Hằng L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Trương Hoàng C có nơi cư trú tại địa chỉ Lê Văn Sỹ, Phường M, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 31 tháng 8 năm 2023, nguyên đơn Bà Trần Thị Hằng L đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà L. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn Bà Trần Thị Hằng L.

[2]. Về nội dung vụ án và yêu cầu của các đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Trích lục kết hôn số 140/TLKH-BS do Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 5 năm 2022 thì nguyên đơn Bà Trần Thị Hằng L và bị đơn ông Trương Hoàng C có quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai thống nhất của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Từ năm 2021 vợ chồng bà L, ông C bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do bà L và ông C có quá nhiều bất đồng trong quan điểm sống, thường xảy ra tranh cãi căng thẳng và đã ly thân từ năm 2021 đến nay

Phía ông C cũng xác định không còn tình cảm với bà L, ông C sẽ đồng ý ly hôn nếu bà L phân chia tài sản chung cho ông số tiền 120.000.000 đồng.

Tại kết quả xác minh ngày 08/8/2023 của Công an phường 12, Quận 3 và Công văn số 211/UBND ngày 31/7/2023 của Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 3 đều thể hiện bà L và ông C không còn chung sống với nhau.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình quy định: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*".

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà L và ông C có mâu thuẫn, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau nên tình trạng hôn nhân giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông C.

[2.2] Về yêu cầu nuôi con chung:

Căn cứ các Giấy khai sinh số 42 do Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 3 cấp ngày 07/3/2009 thì Bà Trần Thị Hằng L và ông Trương Hoàng C có 01 người con chung tên là Trương Hoàng Phúc K, sinh ngày 01/02/2009.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L có yêu cầu được trực tiếp dưỡng con chung là Trương Hoàng Phúc K.

Căn cứ vào vào Bản tự khai ngày 19/3/2019 của Trương Hoàng Phúc K thì con có nguyện vọng muốn ở với mẹ.

Xét tại các biên bản xác minh, các bản tự khai và Biên bản hòa giải thể hiện bà L hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, và tại phiên tòa ông C đồng ý giao con chung Trương Hoàng Phúc K cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì giao người con chung tên là

Trương Hoàng Phúc K, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2009 cho Bà Trần Thị Hằng L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Nguyên đơn Bà Trần Thị Hằng L không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản, nhưng ông Trương Hoàng C có yêu cầu phản tố về chia tài chung nên Hội đồng xem xét khi xét yêu cầu phản tố của ông C.

[2.4] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trương Hoàng C về yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân gồm:

- Sổ tiết kiệm trị giá 200.000.000 gửi tại Ngân hàng Sacombank Phương Nam (Chi nhánh Bắc Hải Tân Bình)

- 01 xe gắn máy hiệu Hondo SH150i; biển số 59F1-02615, mang tên Bà Trần Thị Hằng L có trị giá 80.000.000 đồng.

- Số tiền mặt 250.000.000 đồng hiện Bà Trần Thị Hằng L đang cất giữ.

Ông C yêu cầu được phân chia số tiền là 120.000.000 đồng trong khối tài sản chung.

Xét, Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã Thông báo yêu cầu bị đơn ông Trương Hoàng C cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh ông bà có tài sản chung là sổ tiết có trị giá 200.000.000 đồng do bà L đang gửi tại Ngân hàng Sacombank Phương Nam (Chi nhánh Bắc Hải Tân Bình) và bà L đang cất giữ số tiền mặt 250.000.000 đồng nhưng ông C không cung cấp bất cứ tài liệu nào cho Tòa án. Tại phiên tòa ông C không xuất trình được tài liệu chứng cứ để chứng minh ông và bà L có tài sản chung là số tiền nêu trên.

Căn cứ Biên bản xác minh của Nhân hàng TMCP Sài gòn thương tín có nội dung: Tại thời điểm năm 2020, Bà Trần Thị Hằng L, sinh năm 1986, địa chỉ số Lê Văn Sỹ, Phường M, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Số CCCD : 079186029742 có mở sổ tiết kiệm trị giá 200.000.000 đồng tại Sacombank. Đồng thời Bà Trần Thị Hằng L đã tất toán sổ tiết kiệm cùng thời điểm năm 2020 nên sổ tiết kiệm không có số dư khả dụng vào thời diểm xác minh.

Căn cứ Biên bản trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 28/7/2023 của Công an Quận 3, có nội dung: Xe mô tô loại SH150i, hiệu Honda, số máy KF26E0039499, số khung RLHKF2511GY039423, biển số 59F1-02615, chủ xe: Trần Thị Hằng L, ngày đăng ký lần đầu: 10/4/2023

Tại các bản tự khai và các biên bản Hòa giải Bà Trần Thị Hằng L xác định: Chiếc xe mô tô loại SH150i, hiệu Honda, số máy KF26E0039499, số khung RLHKF2511GY039423, biển số 59F1-02615 do bà mua vào ngày 10/4/2018 (trong thời kỳ hôn nhân với ông C) bằng tiền do bà tự kiếm ra, bà phải mua bằng hình thức trả góp. Ông C không có đóng góp tiền mua xe với bà. Bà cũng xác nhận chiếc xe có trị giá 80.000.000 đồng. Bà không đồng ý chia tài sản là chiếc xe vì tới

nay chiếc xe là phương tiện duy nhất để bà đi làm, kiếm tiền chữa bệnh và nuôi con ăn học. Trong trường hợp ông Trương Hoàng C vẫn yêu cầu chia tài sản chung và Tòa án chia tài sản chung của bà và ông C thì bà tự nguyện giao toàn bộ chiếc xe chiếc xe này cho ông Trương Hoàng C.

Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "*Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp trong thời ký hôn nhân*".

Từ những căn cứ nếu trên, Hội đồng xét xử xác định trong số các tài sản chung mà bị đơn ông Trương Hoàng C yêu cầu phân chia, chỉ có chiếc xe mô tô loại SH150i, hiệu Honda, số máy KF26E0039499, số khung RLHKF2511GY039423, biển số 59F1-02615 là tài sản chung của bà L và ông C hiện có vào thời điểm xét xử.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại đơn yêu cầy phản tố ngày 10/5/2023; các bản tự khai, bà L và ông C cùng có ý kiến thống nhất xác định chiếc xe nêu trên có giá trị 80.000.000 đồng.

Xét yêu cầu phản tố của ông C yêu cầu được nhận 120.000.000 đồng giá trị tài sản trong khối tài sản chung là vượt quá phần giá trị tài sản chung hiện có nên không có cơ sở để chấp nhận.

Nguyên đơn Bà Trần Thị Hằng L tự nguyện giao cho ông Trương Hoàng C toàn bộ chiếc xe chiếc xe mô tô loại SH150i, hiệu Honda, số máy KF26E0039499, số khung RLHKF2511GY039423, biển số 59F1-02615. Bà L không đồng ý chia tài sản vì bà L không có tiền hay tài sản nào khác để thanh toán lại giá trị tài sản cho ông C.

Căn cứ Điều 59 luật hôn nhân gia đình: "*Trong trường hợp chế độ tài sản của vợ chồng theo luật định thì việc giải quyết tài sản do các bên tỏa thuận".*

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc tự nguyện giao toàn bộ chiếc xe chiếc xe mô tô loại SH150i, hiệu Honda, số máy KF26E0039499, số khung RLHKF2511GY039423, biển số 59F1-02615 cho ông C là phù hợp nên ghi nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Bà Trần Thị Hằng L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Ông Trương Hoàng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị phần tài sản được chia.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Đều 33, 38, 39, 40, 56, 57, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bà Trần Thị Hằng L:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hằng L được ly hôn với ông Trương Hoàng C.

- Về con chung: Bà Trần Thị Hằng L và ông Trương Hoàng C có 01 con chung tên là Trương Hoàng Phúc K, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2009.

Giao Bà Trần Thị Hằng L trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên là Trương Hoàng Phúc K, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2009. Việc cấp dưỡng cho con bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trương Hoàng C có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với mẹ; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của Bà Trần Thị Hằng L. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ghi nhân sự tự nguyện của Bà Trần Thị Hằng L giao cho ông Trương Hoàng C toàn bộ chiếc xe mô tô loại SH150i, hiệu Honda, số máy KF26E0039499, số khung RLHKF2511GY039423, biển số 59F1-02615 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 058039 do Công an Quận 3 cấp ngày 10 tháng 4 năm 2018.

Ông Trương Hoàng C có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng chiếc xe mô tô nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trương Hoàng C về việc yêu cầu Tòa án chia sản chung là: Sổ tiết kiệm trị giá 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) đang gửi tại Ngân hàng Sacombank Phương Nam (Chi nhánh Bắc Hải Tân Bình) và số tiền mặt 250.000.000 đồng.

3. Về án phí:

Bà Trần Thị Hằng L phải chịu ánn phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008304 ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Bà Trần Thị Hằng L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Ông Trương Hoàng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị phần tài sản được chia là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (ba tiệu đồng) theo biên lai thu số 0004829 ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Ông Trương Hoàng C phải nộp thêm số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

a) Về quyền kháng cáo:

Ông Trương Hoàng C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Trần Thị Hằng L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND TP HCM;*
- *VKSND Quận 3;*
- *Chi cục THA Dân sự Quận 3;*
- *Các đương sự;*
- *UBND Phường 12, Quận 3;*
- *Lưu: VP, Hồ sơ.*

Trịnh Thị Hoa